TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2022/HNGĐ-ST
Ngày 29/3/2022
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Đặng Anh Việt.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Ngọc Nghĩa và ông Phạm Văn Miền.
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2021/TLST-HNGĐ, ngày 07/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/02/2022; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 109/TB-TA ngày 16/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn I, xã K, huyện Đ, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: Anh Lê Vũ C, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã D, huyện Đ, tỉnh G. Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Gia Trung – Bộ Công an.

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lê Vũ C trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Dom, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 14/5/2012.

Sau khi kết hôn, chị T và anh C chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh C phạm tội, phải đi chấp hành án phạt tù. Sau khi anh C đi chấp hành án trở về thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không có hạnh phúc. Năm 2019, anh C lại tiếp tục phạm tội phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Gia Trung – Bộ Công an cho đến nay, vợ chồng sống xa nhau, không còn quan tâm, không còn yêu T nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống, vợ chồng không còn tình cảm nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Lê Vũ C có 01 con chung tên: Lê Trần Bảo L, sinh ngày 17/12/2012.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trần Bảo L cho đến khi cháu L thành niên và tự lập được. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, anh Lê Vũ C trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Vũ C và chị Trần Thị T có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Dom, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 14/5/2012.

Trong thời gian chung sống, giữa anh và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, vợ chồng sống không hòa thuận, không có hạnh phúc. Anh C phạm tội phải đi chấp hành án nhiều năm, không có điều kiện chăm sóc vợ con nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, chị T xin ly hôn, anh C nhất trí.

Về con chung: Anh Lê Vũ C và chị Trần Thị T có 01 con chung tên: Lê Trần Bảo L, sinh ngày 17/12/2012.

Anh C đề nghị Tòa án giao cháu Lê Trần Bảo L cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trần Bảo L cho đến khi cháu L thành niên và tự lập được. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Vũ C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Lê Vũ C là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì chị T và anh C phát sinh mâu

thuẫn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C và anh C cũng nhất trí ly hôn với chị T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trần Bảo L cho đến khi cháu L thành niên và tự lập được. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh C cũng nhất trí giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giao cháu Lê Trần Bảo L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với anh Lê Vũ C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Mook Đen 1, xã Ia Dom, huyện Đ, tỉnh G. Hiện nay anh Lê Vũ C đang chấp hành án tại Trại giam Gia Trung. Anh C và chị T có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung của anh, chị. Vì vậy đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Vũ C có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lê Vũ C qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Dom, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống với anh C, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh C. Anh C cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn yêu T nhau và nhất trí ly hôn với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Lê Vũ C đều thừa nhận có 01 con

chung tên là: Lê Trần Bảo L, sinh ngày 17/12/2012.

Nguyện vọng của cháu Lê Trần Bảo L mong muốn được sống cùng chị T.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trần Bảo L. Hiện nay, anh C đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, anh C cũng nhất trí giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu L. Do đó, cần giao cháu Lê Trần Bảo L cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L trưởng thành và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh C cũng có ý kiến anh không cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Lê Vũ C.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Bảo L, sinh ngày 17/12/2012 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi cháu L chưa thành niên, đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Lê Vũ C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006517 ngày 07/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/3/2022), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia Dom;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đặng Anh Việt